

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/DS-ST
Ngày: 23 - 6 - 2025
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tường Vi
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: số E ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Ngô Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: số C ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2.2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: số C ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/3/2025, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Văn N trình bày:

Ông và ông Ngô Văn D cùng vợ của ông D là bà Hồ Thị H xác lập hợp đồng vay tiền được Văn phòng C, tỉnh Bến Tre chứng thực vào ngày 22/3/2022. Nội dung hợp đồng vay tiền thì ông cho ông D và bà H vay số tiền 250.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời gian trả tiền vay là 03 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng vay tiền, phương thức thanh toán ông D và bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc khi đến hạn. Tuy nhiên, ngoài các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thì giữa ông cùng với ông D, bà H có thỏa thuận bằng lời nói là ông D và bà H mỗi tháng trả cho ông 3.000.000 đồng tiền lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà H có trả tiền lãi

cho ông được 03 tháng với số tiền là 9.000.000 đồng. Sau đó, ông D và bà H không thực hiện nghĩa vụ như đã thỏa thuận mà cố tình lẩn tránh, ông đã nhiều lần yêu cầu ông D và bà H thanh toán tiền thì ông D và bà H hứa khi nào chuyển nhượng đất cho người khác được tiền sẽ trả nợ nhưng đến nay ông D và bà H vẫn chưa thanh toán tiền nợ gốc cho ông. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ông không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H cư trú tại ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn ông Võ Văn N xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn N. Bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Võ Văn N yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H trả số tiền vay còn nợ 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nghĩa vụ chứng minh: tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N cung cấp cho Tòa án là văn bản có tiêu đề “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” (bản chính) có nội dung thể hiện: “*bên cho vay là ông Võ Văn N, bên vay là bà Hồ Thị H, số tiền vay là 250.000.000 đồng, lãi suất không, thời hạn vay là 03 năm, phương thức thanh toán trả gốc khi đến hạn*”. Hợp đồng vay tiền này được Văn phòng C công chứng số 1014 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/3/2022.

Đối với bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án theo đúng quy định nhưng vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và vắng mặt

tại phiên tòa. Ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn; do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn ông Võ Văn N với bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản thể hiện ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H có vay của ông Võ Văn N số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) nhưng chưa trả. Đồng thời có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được ông Võ Văn N với ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về nghĩa vụ trả tiền: từ những căn cứ như đã nêu ở trên có căn cứ xác định bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H chưa thanh toán cho ông Võ Văn N số tiền đã vay 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, cần buộc ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn N số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 250.000.000 đồng x 5% = 12.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn N đối với bị đơn ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H. Buộc ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn N số tiền vay là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Ông Ngô Văn D và bà Hồ Thị H có nghĩa vụ liên đới chịu 12.500.000 đồng (mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

2.2. Ông Võ Văn N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010936 ngày 27/3/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú